TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 193/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30/11/2022
V/v: Ly hôn giữa anh Th và chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Hà Văn Nâu.**
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Nguyễn Đức Kha;
2. Ông Hoàng Văn Thành.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2022, tại trụ sở TAND tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/6/2022, về việc: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giáp Văn Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện chị L đang đi lao động tại Malaysia, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/6/2022 và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn anh Giáp Văn Th trình bày: Ngày 09/01/2001, anh và chị Bùi Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong chị L có về gia đình nhà anh làm dâu. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm kinh tế gia đình.

Do chị Bùi Thị L đi lao động nhiều lần ở nước ngoài, về nước rồi lại đi và lần cuối cùng là năm 2019 chị L tiếp tục đi lao động tại Malaysia từ đó đến nay chưa về nước. Anh cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở Malaysia vì anh có hỏi nhưng chị L và gia đình chị L không cung cấp và giấu địa chỉ. Anh được biết ngoài địa chỉ nêu trên, chị L không còn đăng ký hoặc có địa chỉ nào khác. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể về đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung là Giáp Mạnh Đ, sinh ngày 24/01/2002 và Giáp Mạnh Th, sinh ngày 29/7/2008. Hiện con Giáp Mạnh Đ đã đủ 18 tổi, còn con Giáp Mạnh Th hiện đang ở với anh, khỏe mạnh bình thường và học tập tốt. Để không bị ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống và học tập của con, trong đơn khởi kiện anh có yêu cầu Toà án giải quyết được nuôi con chung là Giáp Mạnh Th, sinh ngày 29/7/2008. Nay anh thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản: Anh không có gì vướng mắc nên anh không yêu Tòa án xem xét và giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên anh Giáp Văn Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên toà, anh Giáp Văn Th, vắng mặt.

Chị Bùi Thị L có địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện chị L đang đi lao động tại Malaysia. Theo Công văn số 18423/QLXNC-P5 ngày 06/9/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thì chị L đã xuất cảnh, nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 28/8/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Ngày 30/6 và ngày 18/8/2022, Toà án tiến hành ghi lời khai của ông Bùi Quang T là cha đẻ của chị L để xác minh địa chỉ của chị L đang đi lao động tại nước ngoài. Ông T cung cấp, chị L có điện thoại về gia đình, ông có hỏi địa chỉ nhưng chị L không cung cấp nên ông không cung cấp cho Toà án được. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng và thông báo cho chị L được biết về việc Toà án đang thụ lý vụ án xin ly hôn giữa anh Th và chị L.

Chị Bùi Thị L đã được Toà án giao, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn được quy định chị L không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị L vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Giáp Văn Th được ly hôn với chị Bùi Thị L.
- Đình chỉ giải quyết về việc anh Giáp Văn Th yêu cầu giải quyết nuôi con chung.
- Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. ***Về tố tụng*:** Ngày 30/8/2022, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử để mở phiên tòa vào 08 giờ 00’ ngày 30/9/2022 theo quy định của pháp luật. Do

chị Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa xét xử lần hai vào 08h 00’ ngày 30/10/2022.

Tại phiên tòa ngày 30/10/2022, nguyên đơn anh Giáp Văn Th vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa xét xử vào 08h 00’ ngày 30/11/2022.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, giao các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng chị Bùi Thị L vẫn vắng mặt, còn anh Giáp Văn Th vì lý do bận công việc nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. ***Về quan hệ vợ chồng:*** Ngày 09/01/2001, anh Giáp Văn Th và chị Bùi Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Cưới xong chị L có về gia đình nhà anh Th làm dâu. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm kinh tế gia đình.

Do chị Bùi Thị L đi lao động nhiều lần ở nước ngoài, về nước rồi lại đi và lần cuối cùng là năm 2019 chị L tiếp tục đi lao động tại Malaysia từ đó đến nay chưa về nước. Anh Th cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở Malaysia vì anh có hỏi nhưng chị L và gia đình chị L không cung cấp và giấu địa chỉ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể về đoàn tụ được nên anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị L.

Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng anh Th và chị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nguyện vọng xin được ly hôn của anh Th là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận cho anh Th được ly hôn với chị L như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

[3]. ***Về con chung:*** Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh Th và chị L có hai con chung là Giáp Mạnh Đ, sinh ngày 24/01/2002 và Giáp Mạnh Th, sinh ngày 29/7/2008. Hiện con Giáp Mạnh Đ đã đủ 18 tôi, còn con Giáp Mạnh Th hiện đang ở với anh, khỏe mạnh bình thường và học tập tốt. Để không bị ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống và học tập của con nên anh Th thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề con chung nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4]. ***Về tài sản***: Vợ chồng không có gì vướng mắc nên anh Th không yêu Tòa án đặt ra xem xét và giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của BLTTDS, HĐXX không đặt ra xem xét và gải quyết.

[5]. ***Về án phí và quyền kháng cáo***: Anh Giáp Văn Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 147, 227, 228, 238, khoản 2 Điều 243, khoản 2 Điều 244, 271, 272, 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. ***Về quan hệ vợ chồng:*** Cho anh Giáp Văn Th được ly hôn với chị Bùi Thị L.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nuôi con chung của anh Giáp Văn Th.

3. ***Về án phí***: Anh Giáp Văn Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí, anh Th đã nộp theo biên lai thu số 0000494 ngày 29/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Đương sự có mặt tại Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Nâu